



GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2020

Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons giải trình về việc chênh lệch chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trước khi kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sau khi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam như sau:

A. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ LIỆU BCTC NĂM 2019

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố sai sót liên quan đến một số tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong năm trước nhưng không ghi nhận trên sổ sách kế toán của năm trước. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giảm khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” và giảm khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ghi tăng khoản mục “Chi phí khác” cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với số tiền là 245.972.342 VND.

Đối với báo cáo tài chính riêng

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố và phân loại lại được trình bày sau đây:

	Số liệu được trình bày trước đây	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu trình bày lại
Bảng cân đối kế toán riêng			
Tài sản dài hạn			
Tài sản cố định hữu hình	496.771.130.389	(245.972.342)	496.525.158.047
Nguyên giá	844.686.303.792	(11.130.558.713)	833.555.745.079
Giá trị khấu hao lũy kế	(347.915.173.403)	10.884.586.371	(337.030.587.032)
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	679.215.288.617	(245.972.342)	678.969.316.275

	Số liệu được trình bày trước đây	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu trình bày lại
--	-------------------------------------	-------------------	--------------------------

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Chi phí khác	(1.454.387.448)	(245.972.342)	(1.700.359.790)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	560.157.773.879	(245.972.342)	559.911.801.537
Lợi nhuận sau thuế TNDN	450.731.941.111	(245.972.342)	450.485.968.769

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	560.157.773.879	(245.972.342)	559.911.801.537
Lãi từ hoạt động đầu tư	(193.762.977.748)	245.972.342	(193.517.005.406)

Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố trên được trình bày sau đây:

	<i>Số liệu được trình bày trước đây</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu trình bày lại</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Tài sản dài hạn			
Tài sản cố định hữu hình	606.653.633.812	(245.972.342)	606.407.661.470
Nguyên giá	1.055.852.299.665	(11.130.558.713)	1.044.721.740.952
Giá trị khấu hao lũy kế	(449.198.665.853)	10.884.586.371	(438.314.079.482)
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.029.019.001.156	(245.972.342)	1.028.773.028.814
	<i>Số liệu được trình bày trước đây</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu trình bày lại</i>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi phí khác	(8.146.550.269)	(245.972.342)	(8.392.522.611)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	890.730.926.865	(245.972.342)	890.484.954.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN	710.916.598.665	(245.972.342)	710.670.626.323

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	890.730.926.865	(245.972.342)	890.484.954.523
Lãi từ hoạt động đầu tư	(273.887.773.585)	245.972.342	(273.641.801.243)

B. CHÊNH LỆCH TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI SỐ LIỆU BCTC NĂM 2020

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm	120.941.116.176	249.847.719.472	-128.906.603.296	-51,59%

Nguyên nhân: Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán chủ yếu là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	583.021.777.641	592.842.683.803	-9.820.906.162	-1,66%

Lợi nhuận gộp sau kiểm toán giảm xuất phát từ việc Công ty đánh giá lại rủi ro trong việc thu hồi công nợ với Chủ đầu tư, từ đó Công ty điều chỉnh giảm doanh thu ghi nhận trước tương ứng với giá trị hồ sơ thanh toán cho công việc đã thực hiện được Chủ đầu tư xác nhận nhưng Chủ đầu tư chưa đồng ý nhận hóa đơn. Đồng thời Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

2. Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	500.815.695.045	350.854.801.206	149.960.893.839	42,74%

Toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp tăng thêm của Công ty đến từ việc Công ty rà soát, đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ và trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi.

3. Chỉ tiêu “Thu nhập thuế TNDN hoãn lại” tăng

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng	70.502.558.618	38.821.109.578	31.681.449.040	81,61%

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại tăng thêm đến từ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty đã trích lập trong năm.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm	334.554.278.023	463.460.881.319	-128.906.603.296	-27,81%

Nguyên nhân: Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN của báo cáo hợp nhất sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán chủ yếu là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	856.407.013.412	866.227.919.574	-9.820.906.162	-1,13%

Lợi nhuận gộp sau kiểm toán của Tập đoàn đánh giá lại rủi ro trong việc thu hồi công nợ với Chủ đầu tư, từ đó Công ty điều chỉnh giảm doanh thu ghi nhận trước tương ứng với giá trị hồ sơ thanh toán cho công việc đã thực hiện được Chủ đầu tư xác nhận nhưng Chủ đầu tư chưa đồng ý nhận hóa đơn. Đồng thời Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

2. Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	655.860.103.467	505.899.209.628	149.960.893.839	29,64%

Toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp tăng thêm của Tập đoàn đến từ việc Công ty rà soát, đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ và trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi.

3. Chỉ tiêu “Thu nhập thuế TNDN hoãn lại” tăng

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại tăng	74.990.071.547	35.310.010.264	39.680.061.283	112,38%

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại đến từ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty đã trích lập trong năm của Cotecons và Unicons.

III. CHÊNH LỆCH BCTC NĂM 2020 SO VỚI NĂM 2019

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm	120.941.116.176	450.731.941.111	-329.790.824.935	-73,17%

Nguyên nhân: Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính riêng năm 2020 giảm so Báo cáo tài chính riêng năm 2019 chủ yếu là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu “Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	10.283.577.966.780	18.720.486.219.616	-8.436.908.252.836	-45,07%

Doanh thu năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 là do một số công trình kết thúc và quyết toán trong năm 2019. Năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid nên gây rất nhiều khó khăn cho Công ty khi Chủ đầu tư ngừng triển khai nhiều dự án cũng như việc tìm kiếm dự án mới của Công ty khi rất nhiều dự án đã không được khởi động do dịch bệnh.

2. Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	583.021.777.641	743.830.675.023	-160.808.897.382	-21,62%

Mặc dù biên lợi nhuận gộp năm 2020 của các công trình được cải thiện so với biên lợi nhuận gộp năm 2019 do Công ty thực hiện cắt giảm tiết kiệm chi phí hiệu quả, tuy nhiên lợi nhuận gộp của toàn Công ty vẫn bị giảm nhiều do Công ty bị sụt giảm về doanh thu.

3. Chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Doanh thu hoạt động tài chính giảm	73.780.844.639	189.963.658.777	-116.182.814.138	-61,16%

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2020 giảm, bên cạnh việc Công ty bị giảm đi một lượng tiền mặt đáng kể để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng, lãi suất tiền gửi năm 2020 giảm so với 2019 cũng là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận từ tiền gửi ngân hàng giảm mạnh.

4. Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	500.815.695.045	334.880.008.337	165.935.686.708	49,55%

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng cao do với năm 2019 là do mặc dù Công ty tiết giảm được các chi phí quản lý nói chung so với năm trước, nhưng bên cạnh đó Công ty rà soát, đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm là 230,5 tỷ đồng.

5. Chỉ tiêu “Thu nhập thuế TNDN hoãn lại” tăng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại tăng	70.502.558.618	-444.672.158	70.947.230.776	-15955%

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại tăng thêm đến từ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty đã trích lập trong năm.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm	334.554.278.023	710.670.626.323	-376.116.348.300	-52,92%

Nguyên nhân: Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN của báo cáo hợp nhất sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán chủ yếu là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu “Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	14.558.086.434.968	23.733.028.252.165	-9.174.941.817.197	-38,66%

Doanh thu năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 là do một số công trình kết thúc và quyết toán trong năm 2019. Năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid nên gây rất nhiều khó khăn cho Công ty khi Chủ đầu tư ngừng triển khai nhiều dự án cũng như việc tìm kiếm dự án mới của Công ty khi rất nhiều dự án đã không được khởi động do dịch bệnh.

2. Chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	856.407.013.412	1.048.107.141.185	-191.700.127.773	-18,29%

Mặc dù biên lợi nhuận gộp năm 2020 của các công trình được cải thiện so với biên lợi nhuận gộp năm 2019 do Công ty thực hiện cắt giảm tiết kiệm chi phí hiệu quả, tuy nhiên lợi nhuận gộp của toàn Công ty vẫn bị giảm nhiều do Công ty bị sụt giảm về doanh thu.

3. Chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính” giảm

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Doanh thu hoạt động tài chính giảm	228.216.305.252	263.864.493.550	-35.648.188.298	-13,51%

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2020 giảm, bên cạnh việc Công ty bị giảm đi một lượng tiền mặt đáng kể để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng, lãi suất tiền gửi năm 2020 giảm so với 2019 cũng là nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận từ tiền gửi ngân hàng giảm mạnh.

4. Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	655.860.103.467	458.979.143.450	196.880.960.017	42,90%

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng cao do với năm 2019 là do mặc dù Công ty tiết giảm được các chi phí quản lý nói chung so với năm trước, nhưng bên cạnh đó Công ty rà soát, đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm là 270,5 tỷ đồng.

5. Chỉ tiêu “Thu nhập thuế TNDN hoãn lại” tăng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ suất (%)
Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại tăng	74.990.071.547	-15.361.288.234	90.351.359.781	-588%

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng do ghi nhận thuế TNDN hoãn lại đến từ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty đã trích lập trong năm của Coteccons và Unicons.

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM QUÂN LỰC

